

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2020

Đơn vị báo cáo: Trường Đại học Y Hà Nội

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Dự kiến chỉ tiêu	Ngày thi/ xét tuyển	Địa điểm đào tạo
I	Tiến sĩ					
1	Khoa học Y sinh	41	11	21	Từ tháng 6/2020 - đến 9/2020	Trường Đại học Y Hà Nội
2	Điện quang và Y học hạt nhân	14	5	7		
3	Dược lý và độc chất	5	3	2		
4	Gây mê hồi sức	9	2	2		
5	Hồi sức cấp cứu và chống độc	6	0	1		
6	Ngoại khoa	68	17	12		
7	Nhãn khoa	21	9	1		
8	Nhi khoa	20	6	1		
9	Nội khoa	86	25	49		
10	Sản phụ khoa	26	10	2		
11	Tai - Mũi - Họng	13	8	5		
12	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	4	0	4		
13	Ung thư	45	15	1		
14	Răng - Hàm - Mặt	25	4	5		
15	Y học cổ truyền	4	1	2		
16	Dịch tễ học	1	0	5		
17	Dinh dưỡng	4	0	4		
18	Quản lý y tế	1	0	5		
19	Y tế công cộng	32	3	10		
	Tổng	425	119	139		
II	Thạc sĩ					
1	Khoa học Y sinh	125	68	287	Xét tuyển và hi tuyển tháng 7-8/2020	Trường Đại học Y Hà Nội
2	Điện quang và Y học hạt nhân	122	78	74		
3	Dược lý và độc chất	4	1	11		
4	Gây mê hồi sức	46	23	44		
5	Hồi sức cấp cứu và Chống độc	51	30	53		
6	Ngoại khoa	243	122	245		
7	Nhãn khoa	33	15	94		
8	Nhi khoa	93	54	96		
9	Nội khoa	503	279	472		
10	Sản Phụ khoa	98	54	127		
11	Tai - Mũi - Họng	60	33	64		
12	Truyền nhiễm & các bệnh nhiệt đới	56	30	72		
13	Ung thư	117	62	74		
14	Y học gia đình	15	6	22		
15	Răng - Hàm - Mặt	71	33	141		
16	Y học cổ truyền	57	34	76		
17	Dịch tễ học	3	3	60		
18	Dinh dưỡng	46	21	32		

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Dự kiến chỉ tiêu	Ngày thi/ xét tuyển	Địa điểm đào tạo
19	Quản lý bệnh viện	23	13	53		
20	Y học dự phòng	33		53		
21	Y tế công cộng	55	26	95		
22	Điều dưỡng	84	41	40		
23	Kỹ thuật xét nghiệm y học	67	39	40		
	Tổng	2005	1065	2327		
III	Chuyên khoa 2				Thi tuyển ngày 5/8 -8/8/2020	Trường Đại học Y Hà Nội và đào tạo theo địa chỉ
1	Chẩn đoán hình ảnh	28	28	27		
2	Da liễu	14	9	7		
3	Dị ứng - MDLS	3	3	3		
4	Gây mê hồi sức	18	18	15		
5	Giải phẫu bệnh	11	7	4		
6	Hóa sinh y học	3	3	6		
7	Hồi sức cấp cứu	16	8	7		
8	Huyết học và truyền máu	20	11	5		
9	Ký sinh trùng			3		
10	Lao và bệnh phổi	3	3	27		
11	Ngoại khoa	112	49	57		
12	Nhãn khoa	21	14	17		
13	Nhi khoa	55	30	13		
14	Nội khoa	19		20		
15	Lão khoa	14	5	6		
16	Nội - Hô hấp	8	5	6		
17	Nội - Thận Tiết niệu	4	2	4		
18	Nội - Nội tiết	11	8	6		
19	Nội - Tiêu hóa	15	7	7		
20	Nội-Tim mạch	29	11	12		
21	Nội-xương khớp	15	5	8		
22	Phục hồi chức năng	8	4	6		
23	Răng - Hàm - Mặt	16	7	100		
24	Sản Phụ khoa	67	27	20		
25	Tai - Mũi - Họng	12	7	10		
26	Tâm thần	15	3	10		
27	Thần kinh	7	4	30		
28	Truyền nhiễm & các bệnh nhiệt đới	7	4	15		
29	Ung thư	50	27	28		
30	Vi sinh y học	4	3	5		
31	Y học cổ truyền	17	6	10		
32	Y pháp			6		
33	Y học hạt nhân			12		
34	Quản lý y tế	23	3	32		
35	Y tế công cộng	0		48		
	Tổng	645	321	592		
IV	Chuyên khoa 1					
1	Chẩn đoán hình ảnh	65	65	150		
2	Da liễu	38	20	32		
3	Dị ứng - MDLS			10		

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Dự kiến chỉ tiêu	Ngày thi/ xét tuyển	Địa điểm đào tạo
4	Gây mê hồi sức	80	58	48	Thi tuyển ngày 5/8 - 8/8/2020	Trường Đại học Y Hà Nội và đào tạo theo địa chỉ
5	Giải phẫu bệnh	29	13	14		
6	Hoá sinh Y học	10	5	25		
7	Hồi sức cấp cứu	89	64	55		
8	Huyết học - Truyền máu	26	13	27		
9	Ký sinh trùng			20		
10	KTYH chuyên ngành-XN	26	14	58		
11	Lao	8	5	27		
12	Ngoại khoa	155	85	190		
13	Nhãn khoa	47	22	164		
14	Nhi khoa	249	129	95		
15	Nội khoa	259	132	100		
16	Nội Tim mạch	0		70		
17	Phục hồi chức năng	26	14	18		
18	Răng Hàm Mặt	52	27	84		
19	Sản phụ khoa	227	133	76		
20	Tai Mũi Họng	69	35	36		
21	Tâm thần	13	7	24		
22	Thần kinh	19	13	34		
23	Truyền nhiễm & các bệnh nhiệt đới	70	16	16		
24	Ung thư	39	20	61		
25	Vi sinh	9	5	26		
26	Y học cổ truyền	72	36	100		
27	Y học gia đình	5	4	19		
28	Y học hạt nhân	3	2	10		
29	Y pháp	1	1	20		
30	Dinh dưỡng	3	3	50		
31	Y học dự phòng	1	0	100		
32	Y tế công cộng	26		100		
	Tổng	1716	941	1859		
V	Bác sỹ Nội trú					
1	Chẩn đoán hình ảnh	85	20	58		
2	Da liễu	18	7	28		
3	Dị ứng - MDLS	14	5	24		
4	Dược lý và độc chất	3	1	22		
5	Gây mê hồi sức	32	12	19		
6	Giải phẫu bệnh	28	6	14		
7	Giải phẫu người	3	1	43		
8	Hoá sinh y học	20	7	11		
9	Hồi sức cấp cứu	25	10	21		
10	Huyết học - Truyền máu	37	13	9		
11	Ký sinh trùng	1	1	6		
12	Lao	26	7	5		
13	Mô phôi thai học	8	3	28		
14	Ngoại khoa	143	39	70		
15	Nhãn khoa	15	4	76		
16	Nhi khoa	60	21	54		

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Dự kiến chỉ tiêu	Ngày thi/ xét tuyển	Địa điểm đào tạo
17	Nội khoa	156	35	68	Thi tuyển ngày 5/8 -8/8/2020	Trường Đại học Y Hà Nội
18	Lão khoa	0		3		
19	Nội Tim mạch	59	18	22		
20	Phẫu thuật tạo hình	18	6	18		
21	Phục hồi chức năng	24	6	10		
22	Răng - Hàm - Mặt	18	6	15		
23	Sản phụ khoa	33	10	16		
24	Sinh lý bệnh-Miễn dịch	3	2	10		
25	Sinh lý học	8	4	10		
26	Tai - Mũi - Họng	27	7	13		
27	Tâm thần	32	5	15		
28	Thần kinh	33	10	25		
29	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	35	11	6		
30	Ung thư	62	14	30		
31	Vi sinh y học	10	2	10		
32	Y học cổ truyền	28	8	22		
33	Y học gia đình	17	4	86		
34	Y pháp	1		10		
35	Y sinh học di truyền	23	4	20		
36	Dinh dưỡng	11	3	17		
37	Y học dự phòng	11	3	16		
	Tổng	1127	315	930		

Người lập bảng: Trần Thị Bích Hòa

Chữ ký:

Điện thoại: 0988278848

Email: tbichhoa@hmu.edu.vn

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Quốc Hưng